

Số: 40 /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về công tác sinh viên

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Học sinh, sinh viên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về công tác sinh viên.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nội dung công tác học sinh, sinh viên (gọi chung là sinh viên) và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác sinh viên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là nhà trường); học sinh học chương trình đào tạo trình độ trung cấp; sinh viên học chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, chương trình đào tạo trình độ đại học trong nhà trường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nhà trường thuộc lực lượng vũ trang, trường trung học nghề không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này.

3. Học sinh, sinh viên là người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam, học sinh, sinh viên là người Việt Nam đang học tập ở nước ngoài không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công tác sinh viên là hệ thống các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, quản lý, tư vấn và hỗ trợ sinh viên của nhà trường nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục.

2. Sinh viên nội trú là sinh viên cư trú trong khu vực do nhà trường bố trí tại khu nội trú hoặc ký túc xá (sau đây gọi chung là khu nội trú) do nhà trường quản lý.

3. Sinh viên ngoại trú là sinh viên không cư trú trong khu nội trú do nhà trường quản lý.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện công tác sinh viên

1. Công tác sinh viên phải được thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ, hiện đại; phát huy tối đa việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thực hiện công tác sinh viên.

2. Mọi hoạt động của công tác sinh viên phải hướng đến sinh viên và được nhà trường bảo đảm điều kiện thực hiện trong quá trình sinh viên học tập và rèn luyện tại nhà trường.

3. Công tác sinh viên phải được thực hiện trên cơ sở bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; giữa các đơn vị liên quan với tổ chức đoàn thể trong nhà trường; đồng thời có cơ chế tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Chương II

NỘI DUNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Mục 1

GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG; PHÁP LUẬT; ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG, VĂN HÓA, THẨM MỸ; THỂ CHẤT; KỸ NĂNG CHO SINH VIÊN

Điều 5. Giáo dục chính trị, tư tưởng

1. Giáo dục để sinh viên nhận thức, nắm vững và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng tinh thần yêu

nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; nâng cao bản lĩnh chính trị và niềm tin vào con đường phát triển của đất nước.

2. Nội dung giáo dục tập trung vào phổ biến, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và các định hướng lớn của ngành Giáo dục; cung cấp thông tin về các vấn đề chính trị, thời sự trong nước và quốc tế có liên quan; định hướng nhận thức chính trị cho sinh viên, trang bị kiến thức nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc.

3. Tổ chức các diễn đàn, hoạt động giáo dục đa dạng, thiết thực gắn với giáo dục chính khóa; tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên bày tỏ quan điểm của cá nhân; nắm bắt thông tin, xây dựng các phương pháp, hình thức, nội dung tuyên truyền, giáo dục phù hợp với thực tế của sinh viên.

Điều 6. Giáo dục pháp luật

1. Giáo dục để sinh viên hiểu và chấp hành Hiến pháp và pháp luật, hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của sinh viên trong cuộc sống, học tập và làm việc.

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên kiến thức về Hiến pháp, pháp luật liên quan quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền, trách nhiệm của sinh viên và các quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến sinh viên.

3. Tổ chức diễn đàn, hội thi, hoạt động ngoại khóa đa dạng, thiết thực, phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên nâng cao hiểu biết và tuân thủ, chấp hành pháp luật trong thực tiễn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên.

Điều 7. Giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, thẩm mỹ

1. Giáo dục, bồi dưỡng để sinh viên hình thành và phát triển hệ giá trị cơ bản của công dân Việt Nam trong thời kỳ mới là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, kỷ luật, sáng tạo; biết sống tự chủ, nhân văn, ứng xử văn minh; tôn trọng truyền thống văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; có thị hiếu thẩm mỹ phù hợp với thuần phong mỹ tục và giá trị văn hóa dân tộc.

2. Xây dựng hệ giá trị của sinh viên trong môi trường giáo dục thông qua việc giáo dục, bồi dưỡng ý thức công dân; trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội; tinh thần cống hiến, khát vọng vươn lên, lập nghiệp, khởi nghiệp; ý thức ứng xử văn minh trong môi trường học tập, sinh hoạt và không gian mạng; tôn trọng sự khác biệt, đề cao hợp tác, hội nhập và phát triển bền vững.

3. Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thẩm mỹ, thể thao và trải nghiệm xã hội phù hợp nhằm phát triển nhân cách, năng lực sáng tạo và lan tỏa các giá trị nhân văn trong học tập, lao động và đời sống.

Điều 8. Giáo dục thể chất

1. Giáo dục để sinh viên nhận thức đúng vai trò, tác dụng của rèn luyện thể chất, hoạt động thể dục, thể thao và chế độ dinh dưỡng hợp lý nhằm nâng cao sức khỏe và phát triển toàn diện.

2. Hướng dẫn cho sinh viên nội dung, phương pháp tập luyện thể dục, thể thao đúng cách, an toàn, hình thành thói quen tự tập luyện thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất của bản thân.

3. Tổ chức các hoạt động thể thao cho sinh viên theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Giáo dục kỹ năng

1. Giáo dục để sinh viên có năng lực thích ứng với sự thay đổi của xã hội, công nghệ và thị trường lao động; góp phần phát triển toàn diện nhân cách, nâng cao năng lực nghề nghiệp và năng lực công dân.

2. Tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phòng tránh rủi ro trên không gian mạng, kỹ năng phòng chống tệ nạn xã hội, kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng hội nhập; chú trọng phát triển các kỹ năng mềm và kỹ năng thiết yếu cho cuộc sống và nghề nghiệp.

3. Căn cứ đặc điểm đào tạo và nhu cầu thực tiễn để xây dựng chương trình, hoạt động giáo dục kỹ năng phù hợp, qua đó hình thành và phát triển kỹ năng một cách bền vững, hiệu quả.

Mục 2

CÔNG TÁC TƯ VẤN, HỖ TRỢ SINH VIÊN

Điều 10. Tư vấn, hỗ trợ sinh viên

1. Tư vấn, hỗ trợ nâng cao năng lực tự học, rèn luyện và phát triển toàn diện cho sinh viên; hỗ trợ sinh viên nâng cao năng lực phòng ngừa, nhận diện, giải quyết các khó khăn trong học tập, sức khỏe thể chất và tinh thần, quan hệ xã hội; đồng thời tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận các nguồn lực, dịch vụ và cơ hội cần thiết phục vụ học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp và phát triển năng lực cá nhân.

2. Nội dung tư vấn, hỗ trợ sinh viên bao gồm các nhóm hoạt động chủ yếu sau đây:

- a) Tư vấn học đường và công tác xã hội;
- b) Tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên;
- c) Tư vấn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe;
- d) Tư vấn, hỗ trợ khác.

3. Công tác tư vấn học đường và công tác xã hội; công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong nhà trường thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Tư vấn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe

a) Hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên khi gặp các vấn đề về sức khỏe; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe để hỗ trợ, can thiệp cần thiết khi sinh viên gặp phải các vấn đề ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần;

b) Hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên về chế độ học tập, sinh hoạt, ăn uống điều độ, bảo đảm dinh dưỡng, vệ sinh, an toàn; kỹ năng phòng ngừa và bảo vệ bản thân đối với các chất ma túy; trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch, bệnh, tai nạn thương tích và các kiến thức, kỹ năng khác về bảo vệ sức khỏe;

c) Thực hiện hướng dẫn về công tác y tế trường học trong nhà trường theo quy định của pháp luật.

5. Tư vấn, hỗ trợ khác

a) Tổ chức xét chọn, trao quà tặng, trao học bổng tài trợ cho sinh viên; phối hợp với các tổ chức, cá nhân tài trợ xây dựng, quản lý các quỹ học bổng, quỹ hỗ trợ sinh viên theo quy định của pháp luật;

b) Hỗ trợ sinh viên tiếp cận, sử dụng chỗ ở và các dịch vụ thiết yếu phục vụ học tập, rèn luyện và sinh hoạt theo điều kiện thực tiễn của nhà trường;

c) Phổ biến, hướng dẫn và tư vấn thủ tục đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú, thủ tục nghĩa vụ quân sự, cấp đổi giấy phép lái xe và các thủ tục cần thiết khác gắn với sinh viên theo quy định của pháp luật;

d) Rà soát, phát hiện và hỗ trợ kịp thời sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; triển khai các biện pháp hỗ trợ như miễn giảm học phí, học bổng, tín dụng sinh viên và huy động các nguồn lực hợp pháp khác nhằm bảo đảm cơ hội học tập cho sinh viên;

đ) Phát hiện, bồi dưỡng và hỗ trợ sinh viên có năng khiếu, tài năng trong học tập, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và các lĩnh vực khác; tạo điều kiện phát triển năng lực, phát huy thế mạnh cá nhân phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường.

Điều 11. Thực hiện chế độ, chính sách đối với sinh viên

Hướng dẫn, thực hiện thủ tục miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội và các chế độ, chính sách khác của Nhà nước cho sinh viên.

Mục 3

CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN

Điều 12. Tổ chức, hành chính

1. Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, sắp xếp sinh viên vào các lớp; chỉ định Ban Cán sự lâm thời lớp sinh viên; cấp thẻ cho sinh viên.
2. Quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan của sinh viên theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn, bảo mật, đúng mục đích, đúng thẩm quyền và tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.
3. Xác nhận, cấp các giấy tờ, giải quyết thủ tục đối với sinh viên theo quy định của pháp luật.
4. Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch giai đoạn, kế hoạch hằng năm về công tác sinh viên.
5. Quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu sinh viên, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý, đào tạo và cấp văn bằng, chứng chỉ của sinh viên theo quy định của pháp luật.
6. Tổ chức triển khai các thủ tục liên quan đến sinh viên trên môi trường số theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Đánh giá kết quả rèn luyện và công tác khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên

1. Thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên theo quy định tại Mục 4 Chương II Thông tư này.
2. Thực hiện công tác khen thưởng theo quy định về thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục và xử lý kỷ luật sinh viên theo quy định tại Mục 5 Chương II Thông tư này. Người đứng đầu nhà trường hoặc người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc nhà trường được phân cấp theo thẩm quyền xem xét, quyết định khen thưởng đối với sinh viên, tập thể sinh viên theo năm học và toàn khóa học.

Điều 14. Quản lý sinh viên nội trú

1. Bố trí lực lượng trực bảo đảm giải quyết kịp thời các sự vụ liên quan đến sinh viên trong khu nội trú; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy chế, quy định của sinh viên nội trú và xử lý các vi phạm khi xảy ra.
2. Tổ chức các hoạt động tự quản để sinh viên phát huy vai trò chủ động, trách nhiệm với bản thân, biết tôn trọng tập thể; khen thưởng sinh viên nội trú có nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động ở khu nội trú.

3. Thiết lập kênh thông tin liên lạc giữa đơn vị phụ trách khu nội trú với sinh viên và gia đình sinh viên để nắm bắt tình hình và kịp thời xử lý các vụ việc xảy ra liên quan trong khu nội trú.

4. Xây dựng, tổ chức các phong trào thi đua trong khu nội trú về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, mỹ quan trong phòng ở, khu nội trú.

Điều 15. Quản lý sinh viên ngoại trú

1. Xây dựng kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện công tác phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương trong quản lý và hỗ trợ sinh viên ngoại trú.

2. Lập kênh thông tin giữa nhà trường, chính quyền địa phương, gia đình, chủ nhà trọ trên địa bàn; cập nhật việc thay đổi nơi cư trú của sinh viên; phối hợp với cơ quan công an trong công tác quản lý cư trú, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác quản lý theo quy định của pháp luật; giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh liên quan đến sinh viên ngoại trú; tổ chức tổng kết công tác sinh viên ngoại trú hằng năm.

3. Công bố đầu mối tiếp nhận thông tin để sinh viên kịp thời phản ánh, cung cấp các thông tin cần thiết có liên quan đến nhà trường.

Điều 16. Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trường học

1. Xây dựng, ban hành và thực hiện nội quy, quy định, chương trình, kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trường học trong sinh viên theo quy định của pháp luật.

2. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình của sinh viên để có biện pháp quản lý, tuyên truyền, giáo dục, xử lý kịp thời hoặc phối hợp với cơ quan chức năng để chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời các vụ việc về an ninh trật tự, an toàn trường học theo quy định của pháp luật.

Mục 4

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 17. Nội dung, thang điểm và tiêu chí

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá về trách nhiệm, tinh thần và thái độ rèn luyện phẩm chất của sinh viên. Điểm đánh giá tính theo thang điểm 100. Nội dung đánh giá và khung điểm được thực hiện như sau:

1. Trách nhiệm chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường (tối đa 25 điểm):

a) Trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật đối với công dân, các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, của cơ quan quản lý thực hiện trong nhà trường;

b) Trách nhiệm chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác của nhà trường.

2. Trách nhiệm, tinh thần và thái độ trong học tập (tối đa 20 điểm):

a) Trách nhiệm và thái độ tham gia các hoạt động học tập, hoạt động nghiên cứu khoa học;

b) Trách nhiệm và tinh thần tham gia các kỳ thi, cuộc thi;

c) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập.

3. Trách nhiệm tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội (tối đa 20 điểm):

a) Trách nhiệm và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao. Sinh viên là người khuyết tật được đánh giá trách nhiệm tham gia các hoạt động tùy theo tình trạng sức khỏe phù hợp, đảm bảo sự công bằng trong từng trường hợp cụ thể;

b) Trách nhiệm tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

4. Trách nhiệm công dân trong quan hệ cộng đồng (tối đa 15 điểm):

a) Tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;

b) Trách nhiệm tham gia các hoạt động xã hội được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng.

5. Trách nhiệm và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng (tối đa 20 điểm):

a) Trách nhiệm, tinh thần, thái độ, uy tín, kỹ năng tổ chức và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam và các tổ chức khác của nhà trường;

b) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, khoa và nhà trường;

c) Có thành tích trong nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hoạt động khởi nghiệp và các cuộc thi, hoạt động khác dành cho sinh viên được nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 18. Đánh giá, xếp loại

1. Người đứng đầu nhà trường hoặc người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc nhà trường được phân cấp theo thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

2. Nhà trường ban hành quy định chi tiết về hình thức, quy trình, nội dung, thang điểm và tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

3. Phân loại kết quả rèn luyện của sinh viên:

a) Kết quả rèn luyện của sinh viên được phân thành 05 loại: Loại xuất sắc, loại tốt, loại khá, loại trung bình và loại yếu. Loại xuất sắc: từ 90 đến 100 điểm; loại tốt: từ 80 đến dưới 90 điểm; loại khá: từ 70 đến dưới 80 điểm; loại trung bình: từ 50 đến dưới 70 điểm; loại yếu: dưới 50 điểm;

b) Sinh viên bị kỷ luật hình thức khiển trách thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại khá, bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại trung bình;

c) Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ; bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện;

d) Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung;

đ) Sinh viên học đồng thời hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

e) Sinh viên chuyển trường được bảo lưu kết quả rèn luyện ở trường cũ và tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện ở trường mới. Sinh viên chuyển trường từ nước ngoài về sẽ chỉ thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện với các kỳ học tại Việt Nam và bảo lưu đánh giá ở trường cũ (nếu có);

g) Sinh viên tham gia trao đổi với cơ sở giáo dục ở nước ngoài do nhà trường cử đi với thời gian từ $\frac{1}{2}$ học kỳ trở lên sẽ đánh giá kết quả rèn luyện theo quy định của nhà trường với cơ sở giáo dục nước ngoài.

4. Kết quả rèn luyện của sinh viên phải được thông báo cho sinh viên ít nhất 5 ngày trước khi ban hành quyết định kết quả rèn luyện. Trong trường hợp không

nhất trí với kết quả rèn luyện đã được thông báo, sinh viên có thể kiến nghị đến bộ phận thông báo kết quả rèn luyện để xem xét giải quyết.

5. Thời gian đánh giá và cách tính điểm:

a) Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành theo học kỳ, năm học và toàn khóa học;

b) Điểm rèn luyện của sinh viên trong kỳ học là tổng số điểm đạt được theo các tiêu chí, nội dung đánh giá quy định. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các kỳ học trong năm học đó. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện của các năm học.

6. Sử dụng kết quả:

a) Kết quả rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý tại nhà trường và thể hiện ở bảng điểm kết quả học tập khi kết thúc khóa học;

b) Kết quả rèn luyện được sử dụng để xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, xét khen thưởng năm học, toàn khóa học và các chế độ khác liên quan đến quyền lợi của sinh viên;

c) Kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

Mục 5

KỶ LUẬT ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 19. Mục đích, nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm nội quy, quy định của nhà trường, quy định của pháp luật; giáo dục, giúp đỡ để sinh viên tự giác điều chỉnh hành vi, sửa chữa khuyết điểm, thay đổi nhận thức, tự giác rèn luyện để tiến bộ; tăng tính chủ động, tích cực trong thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của sinh viên đối với bản thân, nhà trường và xã hội; góp phần giữ vững kỷ cương, nề nếp trong nhà trường.

2. Khách quan, công khai, minh bạch, nghiêm minh, đúng pháp luật và có tính giáo dục; không xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm của sinh viên trong quá trình xử lý kỷ luật đối với sinh viên.

3. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu sinh viên có từ hai hành vi vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận về từng hành vi vi phạm và quyết định chung bằng một hình thức cao nhất tương ứng với hành vi vi phạm.

4. Chưa xem xét kỷ luật đối với sinh viên đang trong thời gian nghỉ điều trị bệnh; nghỉ học được sự đồng ý của nhà trường; chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh hành vi vi phạm pháp luật.

5. Việc xem xét kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm, nguyên nhân vi phạm; các chứng cứ thu nhận được; thái độ nhận lỗi và sửa chữa vi phạm, khắc phục hậu quả đã gây ra. Sinh viên bị xem xét kỷ luật được tham dự họp xét kỷ luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

6. Sinh viên đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật mà tiếp tục có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật như sau:

a) Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành;

b) Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm kỷ luật mới.

Điều 20. Hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật

1. Sinh viên có hành vi sau đây thì bị xem xét xử lý kỷ luật:

- a) Các hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục quy định tại Luật Giáo dục;
- b) Các hành vi vi phạm điều lệ, nội quy, quy chế, quy tắc của nhà trường;
- c) Các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan trực tiếp đến môi trường giáo dục, quyền và lợi ích hợp pháp của người học, viên chức, người lao động và hoạt động của nhà trường.

2. Mức độ của hành vi vi phạm được xác định như sau:

a) Mức độ 1 là vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi của một lớp;

b) Mức độ 2 là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động trong phạm vi nhiều lớp, khoa của nhà trường, gây dư luận xấu trong nhà trường hoặc ngoài nhà trường;

c) Mức độ 3 là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động ngoài nhà trường, gây dư luận bức xúc trong tập thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên, sinh viên của cơ sở giáo dục, làm ảnh hưởng đến uy tín của nhà trường;

d) Mức độ 4 là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong tập thể nhà giáo, cán bộ

quản lý, viên chức, nhân viên, sinh viên của cơ sở giáo dục, làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của nhà trường.

Điều 21. Hình thức kỷ luật

1. Khiển trách.
2. Cảnh cáo.
3. Đình chỉ học tập có thời hạn.
4. Buộc thôi học.

Điều 22. Áp dụng hình thức kỷ luật

Sinh viên có hành vi vi phạm quy định tại Điều 20 của Thông tư này, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm, có thể bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

1. Khiển trách đối với sinh viên có hành vi vi phạm mức độ 1 được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

2. Cảnh cáo đối với sinh viên đang bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu với mức độ 2 được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

3. Đình chỉ học tập có thời hạn đối với sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu với mức độ 3 được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 20 Thông tư này. Thời hạn đình chỉ học tập do người đứng đầu nhà trường hoặc người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc nhà trường được phân cấp theo thẩm quyền quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm nhưng không quá 12 tháng (hoặc 01 năm học).

4. Buộc thôi học đối với sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức đình chỉ học tập có thời hạn mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu với mức độ 4 được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 20 Thông tư này.

Điều 23. Trình tự và hồ sơ xử lý kỷ luật

1. Trình tự xử lý kỷ luật:

a) Sinh viên có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật;

b) Cá nhân được giao phụ trách công tác sinh viên chủ trì họp với ban cán sự lớp, phân tích và thống nhất đề nghị hình thức kỷ luật gửi đơn vị phụ trách công tác sinh viên;

c) Đơn vị phụ trách công tác sinh viên tổ chức họp, xem xét và có văn bản báo cáo người đứng đầu nhà trường hoặc người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc

nhà trường được phân cấp theo thẩm quyền đề nghị xem xét quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường;

d) Chậm nhất sau 10 ngày, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng kỷ luật phải tổ chức họp để xét kỷ luật, thành phần tham gia dự họp bao gồm các thành viên của Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường, đại diện tập thể lớp có sinh viên vi phạm, sinh viên có hành vi vi phạm, đại diện của các cơ quan, đơn vị và cá nhân khác có liên quan.

Sinh viên vi phạm đã được mời mà không đến dự họp, không có lý do chính đáng hoặc không có bản tự kiểm điểm thì Hội đồng kỷ luật vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật của sinh viên. Hội đồng kỷ luật xem xét, bỏ phiếu kín, kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật, đề nghị người đứng đầu nhà trường hoặc người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc nhà trường được phân cấp theo thẩm quyền xem xét việc ra quyết định kỷ luật. Chỉ các thành viên Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường có quyền bỏ phiếu.

2. Hồ sơ xử lý kỷ luật:

- a) Bản tự kiểm điểm của sinh viên có hành vi vi phạm;
- b) Biên bản họp kiểm điểm sinh viên có hành vi vi phạm;
- c) Văn bản đề nghị của đơn vị phụ trách công tác sinh viên;
- d) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Người đứng đầu nhà trường hoặc người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc nhà trường được phân cấp theo thẩm quyền được ra quyết định kỷ luật mà không phải thực hiện theo trình tự, thủ tục và hồ sơ xử lý kỷ luật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với các hành vi vi phạm có đủ các điều kiện gồm: Hành vi vi phạm đã có quy định cụ thể về hình thức kỷ luật; có đủ căn cứ, chứng cứ xác định rõ hành vi vi phạm; vụ việc không có tình tiết phức tạp, không cần xác minh bổ sung và hình thức kỷ luật dự kiến áp dụng không phải là đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học.

Điều 24. Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường

1. Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu nhà trường, người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc nhà trường được phân cấp theo thẩm quyền hoặc cấp phó của người đứng đầu nhà trường, cấp phó người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc nhà trường được phân cấp theo thẩm quyền;

b) Thường trực Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị phụ trách công tác sinh viên của nhà trường;

c) Các ủy viên Hội đồng gồm những người được giao phụ trách sinh viên bị xem xét kỷ luật; đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam của nhà trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường do người đứng đầu nhà trường hoặc người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc nhà trường được phân cấp theo thẩm quyền quyết định thành lập để xét kỷ luật đối với từng sinh viên vi phạm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 25. Thời hiệu, hiệu lực của quyết định kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 12 tháng đối với hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách; không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật đối với các hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên.

2. Hiệu lực của quyết định kỷ luật tính từ thời điểm ban hành quyết định kỷ luật. Thời hạn có hiệu lực tính từ thời điểm ban hành quyết định kỷ luật đến thời điểm hết thời hạn bị kỷ luật. Quyết định kỷ luật phải ghi cụ thể hình thức, thời hạn có hiệu lực, lý do sinh viên bị thi hành kỷ luật và các quyền lợi mà sinh viên bị kỷ luật không được hưởng trong thời gian bị kỷ luật.

3. Quyết định kỷ luật hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Sau 03 tháng kể từ ngày ban hành quyết định kỷ luật bằng hình thức khiển trách mà sinh viên không có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật;

b) Sau 06 tháng kể từ ngày ban hành quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà sinh viên không có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực;

c) Trường hợp sinh viên bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã thực hiện 1/3 thời hạn kỷ luật và lập thành tích, được cá nhân, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền công nhận thì được Hội đồng kỷ luật xem xét quyết định chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật trước thời hạn.

4. Khi hết thời hạn đình chỉ đối với hình thức kỷ luật đình chỉ học tập có thời hạn mà sinh viên không có các hành vi vi phạm đến mức độ bị xử lý kỷ luật thì sinh viên được người đứng đầu nhà trường hoặc người đứng đầu đơn vị thuộc, trực thuộc nhà trường được phân cấp theo thẩm quyền quyết định về việc tiếp nhận lại sinh viên.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Điều 26. Trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp

Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra đối với các nhà trường trực thuộc trong việc thực hiện công tác sinh viên theo quy định tại Thông tư này.

Điều 27. Trách nhiệm của nhà trường

1. Căn cứ quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, nhà trường ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác sinh viên, quy định việc định kỳ đánh giá kết quả rèn luyện đối với sinh viên phù hợp với điều kiện thực tế; đối với cơ sở giáo dục đại học có đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản về công tác sinh viên và chỉ đạo thực hiện thống nhất trong các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc.

2. Tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của địa phương về công tác sinh viên; hằng năm, ban hành kế hoạch thực hiện công tác sinh viên và bố trí nguồn lực bảo đảm cho công tác sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

3. Chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể, gia đình sinh viên, các cơ quan có liên quan để tổ chức thực hiện công tác sinh viên.

4. Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện.

5. Hằng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác sinh viên theo quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Đánh giá thực hiện công tác sinh viên

a) Đánh giá công tác sinh viên của nhà trường được thực hiện theo 03 nhóm tiêu chí và tính theo thang điểm 100, điểm thưởng tối đa 10 điểm dành cho việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác sinh viên. Khung điểm cụ thể:

- Giáo dục sinh viên về chính trị, tư tưởng; pháp luật; đạo đức, lối sống; rèn luyện thể chất; kỹ năng (30 điểm);

- Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên (30 điểm);

- Công tác quản lý sinh viên (40 điểm);

- Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác sinh viên (10 điểm).

b) Đánh giá, xếp loại:

- Tổ chức đánh giá, xếp loại công tác sinh viên, hoàn thành trước ngày 30 tháng 8 hằng năm;

- Xếp loại công tác sinh viên căn cứ vào tổng số điểm đạt được của toàn bộ các nội dung đánh giá và được xếp theo 05 loại: Loại xuất sắc: có tổng số điểm từ 90 điểm trở lên; Loại tốt: có tổng số điểm từ 80 đến dưới 90 điểm; Loại khá: có

tổng số điểm từ 70 đến dưới 80 điểm; Loại trung bình: có tổng số điểm từ 50 đến dưới 70 điểm; Loại chưa đạt: có tổng số điểm dưới 50 điểm;

- Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại: Kết quả đánh giá, xếp loại công tác sinh viên được công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường. Kết quả đánh giá, xếp loại công tác sinh viên là căn cứ để nhà trường xem xét, đánh giá hằng năm và tổ chức khen thưởng đối với các đơn vị.

Điều 28. Trách nhiệm của người đứng đầu nhà trường

1. Người đứng đầu nhà trường chịu trách nhiệm toàn diện triển khai các nội dung quy định về công tác sinh viên; đánh giá công tác sinh viên; chỉ đạo, tổ chức quản lý các hoạt động; bố trí các nguồn lực nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả các nội dung về công tác sinh viên.

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị tham gia công tác sinh viên của nhà trường; giao đơn vị phụ trách công tác sinh viên làm đầu mối, chủ trì tham mưu, tổng hợp giúp người đứng đầu nhà trường triển khai công tác sinh viên của nhà trường.

3. Tổ chức các hoạt động giáo dục quy định tại Mục 1 Chương II với thời lượng và hình thức phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

4. Hằng năm, chỉ đạo, tổ chức đối thoại với sinh viên để cung cấp thông tin cần thiết, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết kịp thời những thắc mắc, nhu cầu chính đáng của sinh viên.

5. Phát huy hiệu quả vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam trong công tác sinh viên của nhà trường.

6. Quyết định sự tham gia của sinh viên bảo đảm tính đại diện cho nhà trường khi có sự huy động của địa phương, các cấp, các ngành hoặc các tổ chức khác.

7. Hằng năm, tổ chức tập huấn cho đội ngũ tham mưu, thực hiện công tác sinh viên của nhà trường.

Điều 29. Trách nhiệm của tập thể, cá nhân thực hiện công tác sinh viên

1. Đơn vị phụ trách công tác sinh viên của nhà trường chịu trách nhiệm trước người đứng đầu nhà trường trong việc tham mưu, tổ chức thực hiện công tác sinh viên của nhà trường.

2. Các đơn vị tham gia công tác sinh viên của nhà trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác sinh viên theo phân công của người đứng đầu nhà trường.

3. Cá nhân được giao phụ trách và thực hiện công tác sinh viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác sinh viên của nhà trường.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 50/2007/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống cho học sinh, sinh viên trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy; Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy; Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng; Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục đại học và trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy; Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy; Thông tư số 39/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá công tác sinh viên của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư số 27/2009/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế ngoại trú của học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân như sau: “2. Quy chế này áp dụng đối với học sinh ở trong khu nội trú của các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là nhà trường); các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan”.

Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên và đánh giá công tác sinh viên thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa kết thúc thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật đang được áp dụng trước ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Đối với các hành vi vi phạm đang trong quá trình xem xét, xử lý kỷ luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng quy định của pháp luật tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm. Trường hợp các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng xem xét, xử lý kỷ luật sau ngày Thông tư có hiệu lực thì áp dụng quy định của pháp luật theo hướng có lợi cho sinh viên.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng nhà trường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nee

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Hội đồng QGGD và PTNL;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW MTTQ Việt Nam;
- Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Cục KTVB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng;
- Các Thủ trưởng;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Như Điều 32;
- Công báo CP;
- Công PLQG; CSDLQG về VBQPPL;
- Công TTĐT của Chính phủ;
- Công TTĐT của Bộ GDĐT;
- Lưu VT, PC, HSSV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Lê Quân